

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1226/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang T - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 706/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, ấp B (địa chỉ cũ: tổ I, ấp C), xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Lương Diệu H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, ấp B (địa chỉ cũ: tổ I, ấp C), xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà và ông Lương Diệu H tự nguyện kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, khác nhau về cách sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm, mạnh ai nấy sống. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con tên Lương Kiến T1, sinh ngày 30/10/2008 và trẻ Lương Kiến Hoàng B, sinh ngày 16/02/2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 trẻ, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn ông Lương Diệu H vắng mặt, chỉ có nguyên đơn bà Phạm Thị N có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu:

Về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ theo đúng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Lương Diệu H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04 Quyển số 01 ngày 06/3/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Nguyên đơn khai sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, khác nhau về cách sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, mạnh ai nấy sống.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông H vẫn cố tình tránh né không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai bên không có biện pháp hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà N và ông H đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông H có 02 trẻ Lương Kiến T1, sinh ngày 30/10/2008 và trẻ Lương Kiến Hoàng B, sinh ngày 16/02/2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T1, B và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; đồng thời 02 trẻ T1, B có nguyện vọng chung sống với bà N nếu cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét thấy yêu cầu của bà N là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng không xem xét.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng không xem xét.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Thị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Lương Diệu H.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị N và ông Lương Diệu H có 02 trẻ Lương Kiến T1, sinh ngày 30/10/2008 và trẻ Lương Kiến Hoàng B, sinh ngày 16/02/2017. Giao trẻ Lương Kiến T1 và trẻ Lương Kiến Hoàng B cho bà Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 trẻ T1, B lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi; tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lương Diệu H cho đến khi có yêu cầu của bà Phạm Thị N.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị N phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà Phạm Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0024931 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng